

Tuần 5

Ngày soạn: 20/9/2022

Tiết 4: Bài 3: SÔNG NGÒI VÀ CẢNH QUAN CHÂU Á**I. MỤC TIÊU****1. Về kiến thức**

- Trình bày được đặc điểm chung của sông ngòi châu Á.
- Nêu và giải thích được sự khác nhau về chế độ nước, giá trị kinh tế của các hệ thống sông lớn.
- Trình bày được các cảnh quan tự nhiên ở châu Á và giải thích được sự phân bố của một số cảnh quan.
- Trình bày được những thuận lợi và khó khăn của thiên nhiên Châu Á.
- *Tích hợp ứng phó với biến đổi khí hậu*

2. Về năng lực*** Năng lực chung**

- Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập được giao.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Trình bày suy nghĩ/ ý tưởng, lắng nghe/ phản hồi tích cực; giao tiếp và hợp tác khi làm việc nhóm.
- Năng lực nhận thức khoa học địa lí: Phân tích được các đặc điểm nổi bật về sông ngòi và cảnh quan của Châu Á.

*** Năng lực Địa Lí**

- Năng lực tìm hiểu địa lí: sử dụng lược đồ tự nhiên Châu Á để xác định các cảnh quan tự nhiên, các hệ thống sông lớn.
- Năng lực vận dụng kiến thức kĩ năng đã học: Xác lập mối quan hệ giữa khí hậu, địa hình với sông ngòi và cảnh quan tự nhiên

3. Về phẩm chất

- Trách nhiệm: Bảo vệ các dòng sông và cảnh quan xung quanh.
- Chăm chỉ: Tìm hiểu các đặc điểm tự nhiên nổi bật của sông ngòi và cảnh quan ở Châu Á.
- Nhân ái: Chia sẻ với những vùng còn gặp nhiều khó khăn của Châu Á.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**1. Chuẩn bị của GV**

- Lược đồ sông ngòi Châu Á.
- Tranh ảnh cảnh quan Châu Á.
- Máy tính, máy chiếu

2. Chuẩn bị của HS

- Sách giáo khoa, sách tập ghi bài.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**HS :** Trình bày đặc điểm kiểu khí hậu gió mùa ở Châu Á?**1. Hoạt động: Khởi động**a) *Mục tiêu:*

- Khảo sát nhu cầu khám phá, tìm hiểu, học tập về châu Á
- Tạo hứng thú cho học sinh trước khi bước vào bài mới.

b) *Tổ chức thực hiện:***Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** Giao nhiệm vụ: Giáo viên yêu cầu học sinh kể tên 1 vài hệ thống sông lớn và cảnh quan tự nhiên chính ở châu Á mà em biết và trả lời các câu hỏi:

- Sông ngòi và cảnh quan tự nhiên ở châu Á khác nhau như thế nào?
- Vì sao lại có sự khác nhau như vậy?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS trả lời bằng sự hiểu biết.

- HS nêu được tên 1 số hệ thống sông lớn ở Châu Á: Hoàng Hà, Trường Giang, Lê-na, I-ê-nit-xây,...

- Phân biệt được sự khác nhau của các khu vực có mật độ sông ngòi dày đặc với các khu vực ít sông

Bước 3: Báo cáo thảo luận:HS nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Kết luận, nhận định:GV kết luận và dẫn dắt vào bài học

=> Sông ngòi và cảnh quan châu Á rất đa dạng và phức tạp. Đó là do ảnh hưởng của địa hình và khí hậu đến sự hình thành chúng. Để tìm hiểu những vấn đề đó, chúng ta đi vào bài học hôm nay.

2. Hoạt động: Hình thành kiến thức mới

2.1. Hoạt động 1: Tìm hiểu đặc điểm sông ngòi châu Á

a) Mục tiêu:

- Trình bày được đặc điểm chung của sông ngòi châu Á.

- Nêu và giải thích được sự khác nhau về chế độ nước, giá trị kinh tế của các hệ thống sông lớn.

b) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV&HS	Dự kiến sản phẩm																
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV cho HS quan sát lược đồ 1.2 SGK trang 5 hoặc bản đồ tự nhiên châu Á và thực hiện nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên các hệ thống sông lớn của châu Á? (I-ê-nit-xây, Hoàng Hà, Trường Giang, Mê Công, Ấn, Hằng...) - Đặc điểm chung của sông ngòi châu Á? - Chia nhóm (3 nhóm), phân công nhiệm vụ. Mỗi nhóm tìm hiểu 1 khu vực sông ngòi với nội dung. <p>THẢO LUẬN NHÓM (10 phút)</p> <table border="1" data-bbox="167 1377 587 1780"> <thead> <tr> <th>Các khu vực sông</th> <th>Đặc điểm chính</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Bắc Á</td> <td></td> </tr> <tr> <td>Đông Á, Đông Nam Á, Nam Á</td> <td></td> </tr> <tr> <td>Tây Nam Á, Trung Á</td> <td></td> </tr> </tbody> </table> <p>- Nêu giá trị kinh tế sông ngòi châu Á?</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS nhận nhiệm vụ theo nhóm. GV theo dõi và hỗ trợ HS nếu cần.</p> <p>Bước 3: Báo cáo thảo luận: Đại diện các</p>	Các khu vực sông	Đặc điểm chính	Bắc Á		Đông Á, Đông Nam Á, Nam Á		Tây Nam Á, Trung Á		<p>1. Đặc điểm sông ngòi</p> <ul style="list-style-type: none"> - Châu Á có nhiều hệ thống sông lớn (I-ê-nit-xây, Hoàng Hà, Trường Giang, Mê-Công, Ấn, Hằng) nhưng phân bố không đều. - Chế độ nước phức tạp. <table border="1" data-bbox="794 1099 1481 1899"> <thead> <tr> <th>Các khu vực sông</th> <th>Đặc điểm chính</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Bắc Á</td> <td>- Mạng lưới sông dày. - Mùa đông sông đóng băng. Mùa xuân băng tuyết tan, nước sông lên nhanh thường gây lũ lớn. (Lêna; I-ê-nit-xây)</td> </tr> <tr> <td>Đông Á, Đông Nam Á, Nam Á</td> <td>- Mạng lưới sông dày, nhiều sông lớn. - Các sông có lượng nước lớn nhất vào cuối hạ đầu thu, nước cạn vào cuối đông đầu xuân. (Hoàng Hà, Trường Giang, Mêkong, Ấn, Hằng)</td> </tr> <tr> <td>Tây Nam Á, Trung Á</td> <td>- Ít sông, nguồn cung cấp nước do băng tuyết tan. (Xưa đa ri a, A mu đa ri a, Ti-grơ, Ô –phrat)</td> </tr> </tbody> </table> <p>- Giá trị kinh tế của sông ngòi châu Á: giao thông, thủy điện, cung cấp nước cho sản xuất,</p>	Các khu vực sông	Đặc điểm chính	Bắc Á	- Mạng lưới sông dày. - Mùa đông sông đóng băng. Mùa xuân băng tuyết tan, nước sông lên nhanh thường gây lũ lớn. (Lêna; I-ê-nit-xây)	Đông Á, Đông Nam Á, Nam Á	- Mạng lưới sông dày, nhiều sông lớn. - Các sông có lượng nước lớn nhất vào cuối hạ đầu thu, nước cạn vào cuối đông đầu xuân. (Hoàng Hà, Trường Giang, Mêkong, Ấn, Hằng)	Tây Nam Á, Trung Á	- Ít sông, nguồn cung cấp nước do băng tuyết tan. (Xưa đa ri a, A mu đa ri a, Ti-grơ, Ô –phrat)
Các khu vực sông	Đặc điểm chính																
Bắc Á																	
Đông Á, Đông Nam Á, Nam Á																	
Tây Nam Á, Trung Á																	
Các khu vực sông	Đặc điểm chính																
Bắc Á	- Mạng lưới sông dày. - Mùa đông sông đóng băng. Mùa xuân băng tuyết tan, nước sông lên nhanh thường gây lũ lớn. (Lêna; I-ê-nit-xây)																
Đông Á, Đông Nam Á, Nam Á	- Mạng lưới sông dày, nhiều sông lớn. - Các sông có lượng nước lớn nhất vào cuối hạ đầu thu, nước cạn vào cuối đông đầu xuân. (Hoàng Hà, Trường Giang, Mêkong, Ấn, Hằng)																
Tây Nam Á, Trung Á	- Ít sông, nguồn cung cấp nước do băng tuyết tan. (Xưa đa ri a, A mu đa ri a, Ti-grơ, Ô –phrat)																

nhóm trình bày. Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. Bước 4: Kết luận, nhận định: GV chuẩn xác kiến thức. GV liên hệ giá trị KT sông ngòi nước ta. Qua đó, giáo dục HS ý thức bảo vệ sông ngòi. <i>Tích hợp phó với biến đổi khí hậu</i>	sinh hoạt, du lịch, đánh bắt và nuôi trồng thủy sản.
---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	------------------------------------------------------

2.2. Hoạt động 2: Tìm hiểu các đới cảnh quan tự nhiên châu Á

a) Mục tiêu:

Trình bày được các cảnh quan tự nhiên ở châu Á và giải thích được sự phân bố của một số cảnh quan.

b) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV&HS	Dự kiến sản phẩm
<p>THẢO LUẬN NHÓM (5 phút)</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:GV chia lớp ra làm 4 nhóm và phân công nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên các đới cảnh quan của châu Á theo thứ tự từ Bắc xuống Nam dọc theo kinh tuyến 80oĐ? - Kể tên các cảnh quan phân bố ở khu vực KH gió mùa và khu vực KH lục địa khô hạn? <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: Các nhóm thảo luận. GV quan sát hỗ trợ HS nếu cần.</p> <p>Bước 3: Báo cáo thảo luận: Đại diện từng nhóm trình bày, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định:GV chuẩn xác kiến thức. GV giáo dục HS ý thức bảo vệ cảnh quan tự nhiên.</p> <p>* GV sử dụng kĩ thuật tia chớp:</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV đặt câu hỏi cho cả lớp: Nguyên nhân phân bố của một số cảnh quan?</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:Các cặp trao đổi.</p> <p>Bước 3: Báo cáo thảo luận: Đại diện 4 cặp nêu ý kiến, các cặp khác nhận xét, bổ sung.</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định:GV chuẩn xác kiến thức.</p>	<p>2. Các đới cảnh quan tự nhiên</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cảnh quan phân hóa đa dạng với nhiều loại: <ul style="list-style-type: none"> + Rừng lá kim ở Bắc Á (Xi-bia) nơi có khí hậu ôn đới. + Rừng cận nhiệt ở Đông Á, rừng nhiệt đới ẩm ở Đông Nam Á và Nam Á. + Thảo nguyên hoang mạc, cảnh quan núi cao. - Nguyên nhân: do sự phân hoá đa dạng về các đới, các kiểu khí hậu...

3. Hoạt động: Luyện tập

a) Mục tiêu:

- Giúp học sinh củng cố và khắc sâu nội dung kiến thức bài học

b) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV giao nhiệm vụ cho HS: Đánh dấu (X) vào cột thích hợp trong bảng sau để thể hiện mối quan hệ giữa các đới cảnh quan tự nhiên với khí hậu tương ứng của châu Á.

Đới cảnh quan	KH cực và cận cực	KH ôn đới	KH cận nhiệt	KH nhiệt đới	KH Xích đạo
1. Hoang mạc và bán hoang mạc					
2. Xa van và cây bụi					

3. Rừng nhiệt đới ẩm					
4. Rừng cận nhiệt đới ẩm					
5. Rừng và cây bụi lá cứng Địa Trung Hải					
6. Thảo nguyên					
7. Rừng hỗn hợp và rừng lá rộng					
8. Rừng lá kim (Tai ga)					
9. Đài nguyên					

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS có 2 phút thảo luận theo nhóm.

Dự kiến SP

Đối cảnh quan	KH cực và cận cực	KH ôn đới	KH cận nhiệt	KH nhiệt đới	KH Xích đạo
1. Hoang mạc và bán hoang mạc		X	X	X	
2. Xa van và cây bụi				X	
3. Rừng nhiệt đới ẩm				X	X
4. Rừng cận nhiệt đới ẩm			X		
5. Rừng và cây bụi lá cứng Địa Trung Hải			X		
6. Thảo nguyên		X			
7. Rừng hỗn hợp và rừng lá rộng		X			
8. Rừng lá kim (Tai ga)		X			
9. Đài nguyên	X				

Bước 3: Báo cáo thảo luận:GV mời đại diện các nhóm trả lời. Đại diện nhóm khác nhận xét.

Bước 4: Kết luận, nhận định: Kết luận, nhận định: GV chốt lại kiến thức của bài.

4. Hoạt động: Vận dụng

a) Mục tiêu: Vận dụng kiến thức liên hệ thực tiễn ở Việt Nam

b) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV giao nhiệm vụ: HS trả lời câu hỏi

Lên mạng Internet tìm thông tin, hình ảnh, báo cáo, ... chứng minh sông ngòi, cảnh quan ở Việt Nam tiêu biểu cho rừng nhiệt đới ẩm.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS trao đổi và phát biểu nhanh ý kiến

Bước 3: Báo cáo thảo luận: GV chốt ý và khen ngợi H

